

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận
Tiếp nhận và Trả kết quả của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính tại các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước;

2. Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố;

3. Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố;

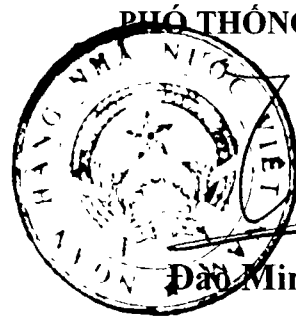
Điều 2: Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả danh mục TTHC thuộc phạm vi tiếp nhận theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Ban Lãnh đạo NHNN (để b/c);
- Lưu: VP. ✓

KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2599/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

STT	Tên TTHC
I. THỦ TỤC TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA TẠI TRỤ SỞ CHÍNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
1. Lĩnh vực hoạt động tiền tệ	
1.	Thủ tục chấp thuận cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay bằng ngoại tệ đối với từng trường hợp cụ thể
2.	Thủ tục thông báo hạn mức chiết khấu giấy tờ có giá của NHNN đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
3.	Thủ tục chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của tổ chức tín dụng do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ phát hành trái phiếu riêng lẻ, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài chào bán trái phiếu ra công chúng
4.	Thủ tục chấp thuận gia hạn khoản vay cầm cố giấy tờ có giá tại tổ chức tín dụng
5.	Thủ tục chấp thuận thay đổi giấy tờ có giá đang cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước
6.	Thủ tục vay tái cấp vốn theo hình thức có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của tổ chức tín dụng
7.	Thủ tục công nhận thành viên nghiệp vụ thị trường mở
8.	Thủ tục chấm dứt tư cách thành viên nghiệp vụ thị trường mở
9.	Thủ tục phân quyền người sử dụng tham gia giao dịch nghiệp vụ thị trường mở
10.	Thủ tục đề nghị chiết khấu giấy tờ có giá theo phương thức gián tiếp
11.	Thủ tục mở tài khoản lưu ký giấy tờ có giá đối với các tổ chức tín dụng,

	chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
12.	Thủ tục đóng tài khoản lưu ký giấy tờ có giá đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
13.	Thủ tục đề nghị áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc hỗ trợ của tổ chức tín dụng
2. Lĩnh vực hoạt động ngoại hối	
14.	Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế
15.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế
16.	Thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
17.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế/tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
18.	Thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế
19.	Thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng
20.	Thủ tục Đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức tín dụng
21.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài
22.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài của bên đi vay nước ngoài
23.	Thủ tục xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế đối với doanh nghiệp không phải là ngân hàng thương mại Nhà nước
24.	Thủ tục xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế đối với ngân hàng thương mại Nhà nước
25.	Thủ tục thẩm định phương án phát hành trái phiếu quốc tế của ngân hàng thương mại Nhà nước

26.	Thủ tục đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh
27.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh
28.	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh
29.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài/khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh
30.	Thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước
31.	Thủ tục chấp thuận hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường quốc tế
32.	Thủ tục chấp thuận cho phép thực hiện có thời hạn các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế
33.	Thủ tục cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế
34.	Thủ tục đăng ký thiết lập quan hệ giao dịch hối đoái với NHNN của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
35.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của TCTD được phép.
36.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động của văn phòng đại diện ở nước ngoài của TCTD được phép
37.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế
38.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế
39.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận viện trợ, tài trợ nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị, xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề

	ng nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của VN hoạt động tại VN
40.	Thủ tục cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của TCTD được phép, tổ chức kinh tế
41.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của TCTD được phép, tổ chức kinh tế
42.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để tiếp nhận viện trợ, tài trợ của nước ngoài hoặc các trường hợp khác được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép của các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của VN hoạt động tại VN.
43.	Thủ tục cấp lại Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài
44.	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
45.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
46.	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
47.	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
48.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
49.	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
50.	Thủ tục chấp thuận sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam
51.	Thủ tục cho phép thực hiện có thời hạn hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Chính sách Xã hội
52.	Thủ tục cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Chính sách Xã hội

53.	Thủ tục cho phép thực hiện có thời hạn hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
54.	Thủ tục cho phép gia hạn thực hiện các hoạt động ngoại hối khác trên thị trường trong nước và quốc tế của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
55.	Thủ tục thiết lập/thiết lập lại quan hệ giao dịch mua, bán vàng miếng với NHNN
56.	Thủ tục thông báo thay đổi người đại diện giao dịch mua, bán vàng miếng với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp
57.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
58.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng áp dụng cho doanh nghiệp
59.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có Giấy phép khai thác vàng tại Việt Nam
60.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực khai thác vàng
61.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng áp dụng cho tổ chức tín dụng
62.	Thủ tục thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng
63.	Thủ tục thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đã được cấp phép
64.	Thủ tục bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng
65.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng
66.	Thủ tục đề nghị được chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép
67.	Thủ tục đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời
68.	Thủ tục đăng ký hạn mức nhận ủy thác
69.	Thủ tục đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời

70.	Thủ tục đăng ký hạn mức tự doanh
71.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại
72.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại
73.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.
74.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với tổ chức tự doanh là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp
75.	Thủ tục đăng ký thực hiện chương trình thương cở phiếu phát hành ở nước ngoài có đối tượng tham gia là người lao động có quốc tịch Việt Nam.
76.	Thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP
77.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ, doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để phục vụ việc thực hiện cam kết với bên nước ngoài
78.	Thủ tục cấp Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để phục vụ việc thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài)
79.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để thực hiện cam kết với bên nước ngoài
80.	Thủ tục cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài (không bao gồm việc mở và sử dụng tài khoản

	ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài)
81.	Thủ tục đăng ký chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Nhà đầu tư thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí
82.	Thủ tục xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là Tổ chức tín dụng
83.	Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư là Tổ chức tín dụng
3. Cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng	
84.	Thủ tục chấp thuận thành lập công ty chứng khoán của ngân hàng thương mại
85.	Thủ tục chấp thuận thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại nhà nước
86.	Thủ tục chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài của tổ chức tín dụng cổ phần.
87.	Thủ tục chấp thuận thành lập công ty kiều hối trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần
88.	Thủ tục đề nghị cấp lại bản sao Giấy phép từ sổ gốc của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng
89.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần
90.	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp đổi Giấy phép
91.	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép
92.	Thủ tục ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đồng thời đề nghị cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép Thành lập và hoạt động ngân hàng
93.	Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại

94.	Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện ở trong nước của ngân hàng thương mại
95.	Thủ tục chấp thuận thành lập đơn vị sự nghiệp ở trong nước của Ngân hàng thương mại
96.	Thủ tục chấp thuận đủ điều kiện thành lập phòng giao dịch của ngân hàng thương mại
97.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại
98.	Thủ tục chấp thuận nâng cấp phòng giao dịch bưu điện thành phòng giao dịch
99.	Thủ tục chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại sang địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
100.	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc sáp nhập
101.	Thủ tục chấp thuận sáp nhập
102.	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc hợp nhất
103.	Thủ tục chấp thuận hợp nhất
104.	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc chuyển đổi hình thức pháp lý
105.	Thủ tục chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý
106.	Thủ tục thu hồi Giấy phép của Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng
107.	Thủ tục gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
108.	Thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
109.	Thủ tục chấp thuận thành lập chi nhánh ở nước ngoài, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại
110.	Thủ tục báo cáo việc khai trương hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và Ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài
111.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

112.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng
113.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài
114.	Thủ tục gia hạn thời gian hoạt động đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam
115.	Thủ tục thay đổi tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài
116.	Thủ tục thay đổi mức vốn điều lệ, vốn được cấp chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài
117.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp giữa các bên trong ngân hàng liên doanh hoặc giữa các thành viên góp vốn trong ngân hàng 100% vốn nước ngoài
118.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp cho đối tác mới ngoài ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoặc ngoài ngân hàng liên doanh
119.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng vốn góp trong trường hợp một thành viên góp vốn trong ngân hàng liên doanh hoặc ngân hàng 100% vốn bị mua lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách dẫn đến việc hình thành một pháp nhân mới
120.	Thủ tục đổi tên Văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam
121.	Thủ tục chuyển địa điểm văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
122.	Thủ tục gia hạn thời gian hoạt động đối với văn phòng đại diện tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam
123.	Thủ tục chấp thuận hoạt động mua nợ
124.	Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài
125.	Thủ tục thông báo danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước

	ngoài
126.	Thủ tục báo cáo việc khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
127.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn
128.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần
129.	Thủ tục đồng thời đề nghị bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và cấp đổi Giấy phép
130.	Thủ tục cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
131.	Thủ tục cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
132.	Thủ tục đăng ký nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
133.	Thủ tục cấp lại bản sao Giấy phép từ sổ gốc cho tổ chức tín dụng phi ngân hàng
134.	Thủ tục chấp thuận chấm dứt hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước
135.	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng phi ngân hàng ở nước ngoài
136.	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh, văn phòng đại diện tổ chức tín dụng phi ngân hàng ở trong nước
137.	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
138.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính
139.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính
140.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính (không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

141.	Thủ tục chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.
142.	Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trách nhiệm hữu hạn
143.	Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật
144.	Thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cổ phần ngoài các trường hợp tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật
145.	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn hiện tại của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
146.	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là thành viên góp vốn mới.
147.	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng cho bên mua, bên nhận chuyển nhượng là chủ sở hữu mới.
148.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong trường hợp việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp dẫn đến việc phải sửa đổi, bổ sung Giấy phép liên quan đến thời hạn hoạt động, chủ sở hữu, thành viên góp vốn.
149.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức tín dụng phi ngân hàng ngoài các trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép do thay đổi tên, thời hạn hoạt động, mức vốn điều lệ, mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp
150.	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng
151.	Thủ tục Tự nguyện chấm dứt hoạt động của chi nhánh tổ chức tài chính quy mô nhỏ
152.	Thủ tục gia hạn thời gian khai trương hoạt động chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ
153.	Thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ khác

	địa bàn tỉnh, thành phố
154.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên đang hoạt động trước khi Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành
155.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên đăng ký mới
156.	Thay đổi các thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên
157.	Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
158.	Thủ tục cấp Giấy phép đối với tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
159.	Thủ tục cấp Giấy phép đối với trường hợp chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô
160.	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tài chính vi mô
161.	Thủ tục đề nghị chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tài chính vi mô
162.	Thủ tục đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô
163.	Thủ tục thông báo thay đổi địa chỉ (không thay đổi địa điểm) đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô
164.	Thủ tục đề nghị chấp thuận thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động của tổ chức tài chính vi mô
165.	Thủ tục đề nghị chấp thuận thay thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô
166.	Thủ tục đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ của tổ chức tài

	chính vi mô
167.	Thủ tục đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên góp vốn hiện tại của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
168.	Thủ tục đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp giữa các thành viên góp vốn hiện tại và thành viên góp vốn mới (bên mua, bên nhận chuyển nhượng) của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
169.	Thủ tục đề nghị mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
170.	Thủ tục đề nghị sửa đổi Giấy phép hoạt động trong trường hợp tổ chức tài chính vi mô hoàn tất việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp
171.	Thủ tục đề nghị tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng của tổ chức tài chính vi mô
172.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng hợp tác xã
173.	Thủ tục thông báo danh sách những người được bổ nhiệm là thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc ngân hàng hợp tác xã
174.	Thủ tục cấp lại bản sao giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng hợp tác xã
175.	Thủ tục chuyển đổi Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và cấp giấy phép thành lập ngân hàng hợp tác xã
176.	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên của Ngân hàng hợp tác xã
177.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng hợp tác xã
178.	Thủ tục thông báo thay đổi địa chỉ (không thay đổi địa điểm) đặt trụ sở chính của ngân hàng hợp tác xã
179.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động của ngân hàng hợp tác xã
180.	Thủ tục chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của ngân hàng hợp tác xã
181.	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng hợp tác xã

182.	Thủ tục đề nghị tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng của ngân hàng hợp tác xã
183.	Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của ngân hàng hợp tác xã
184.	Thủ tục chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã
185.	Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài của ngân hàng hợp tác xã
186.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã
187.	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên hoặc mua thêm cổ phần khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam
188.	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam
189.	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam
4. Lĩnh vực hoạt động tín dụng	
190.	Thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
5. Lĩnh vực hoạt động thanh toán	
191.	Thủ tục báo cáo biểu phí dịch vụ thẻ mới hoặc điều chỉnh, bổ sung
192.	Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
193.	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (trong các trường hợp: hết hạn; bị thu hồi; sửa đổi, bổ sung và bị mất, bị hư hỏng không sử dụng được)
194.	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
195.	Thủ tục cấp mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng cho các tổ chức phát hành thẻ (gọi tắt là mã BIN)

196.	Thủ tục đăng ký mẫu séc trắng
6. Lĩnh vực hoạt động công nghệ thông tin ngân hàng	
197.	Các tổ chức trực thuộc thành viên tham gia hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng
198.	Rút khỏi hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng
199.	Tham gia thành viên hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng.
200.	Thủ tục thành viên tham gia dịch vụ thanh toán nợ của Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng
201.	Thủ tục tham gia dịch vụ thanh toán giá trị thấp của hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng
202.	Thủ tục cấp chứng thư số
203.	Thủ tục gia hạn chứng thư số
204.	Thủ tục khôi phục chứng thư số
205.	Thủ tục tạm dừng chứng thư số
206.	Thủ tục thu hồi chứng thư số
207.	Thủ tục thay đổi cặp khóa
208.	Thủ tục đề nghị thay đổi mã kích hoạt chứng thư số
209.	Thủ tục cấp mã ngân hàng
210.	Thủ tục hủy bỏ mã ngân hàng
211.	Thủ tục điều chỉnh thông tin ngân hàng
212.	Thủ tục thanh toán giá trị cao liên ngân hàng
213.	Thanh toán giá trị thấp liên ngân hàng
214.	Tra soát lệnh thanh toán liên ngân hàng
215.	Hoàn chuyển lệnh thanh toán liên ngân hàng
216.	Vấn tin số dư thanh toán liên ngân hàng
217.	Vấn tin lệnh thanh toán liên ngân hàng

218.	Đối chiếu lệnh thanh toán liên ngân hàng
7. Lĩnh vực hoạt động thông tin tín dụng	
219.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng
220.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng trường hợp bị mất, bị cháy toàn bộ
221.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng trường hợp bị rách hoặc bị hư hỏng dưới các hình thức khác
222.	Thủ tục thay đổi nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng
8. Lĩnh vực hoạt động kho quỹ	
223.	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu cửa kho tiền
224.	Thủ tục xác nhận về đảm bảo tiêu chuẩn xe thiết kế chở tiền theo Quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP
9. Hoạt động khác	
225.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Ngân hàng
226.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc
227.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc
228.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước”
229.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ
230.	Thủ tục tặng thưởng Huân chương các loại, các hạng
231.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

232.	Thủ tục tặng thưởng Huy chương
233.	Thủ tục tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động
234.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thống đốc
235.	Thủ tục khen thưởng đột xuất
236.	Thủ tục khen thưởng chuyên đề
237.	Thủ tục khen thưởng cán bộ có quá trình cống hiến
238.	Thủ tục khen thưởng ngoài Ngành
239.	Thủ tục tặng thưởng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngân hàng Việt Nam”
240.	Thủ tục đăng ký thi đua
241.	Thủ tục thông báo việc ban hành/sửa đổi, bổ sung/ thay thế các chính sách quản lý, quy định nội bộ về mua, bán, xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
242.	Thủ tục chấp thuận Phương án phát hành trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
243.	Thủ tục chấp thuận Phương án mua nợ theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
244.	Thủ tục chấp thuận Phương án hỗ trợ tài chính cho khách hàng vay của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
245.	Thủ tục chấp thuận Phương án góp vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
246.	Thủ tục đề nghị chấp thuận thời hạn cụ thể của trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản phát hành trên 5 năm
247.	Thủ tục đề nghị gia hạn thời hạn của trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản đã phát hành

STT	Tên TTHC
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRỤ SỞ CHÍNH NHNN VÀ NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ	
1. Lĩnh vực hoạt động tiền tệ	
1.	Thủ tục đề nghị cấp mới và thu hồi mã khóa truy cập, mã chữ ký điện tử tham gia nghiệp vụ chiết khấu tại NHNN
2.	Thủ tục đề nghị chiết khấu giấy tờ có giá theo phương thức trực tiếp
2. Lĩnh vực hoạt động ngoại hối	
3.	Thủ tục cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài)
4.	Thủ tục cấp lại Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài)
5.	Thủ tục gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài)
6.	Thủ tục chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài)
7.	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài)
8.	Thủ tục cấp giấy phép thu ngoại tệ tiền mặt từ xuất khẩu sang Campuchia
9.	Cấp Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh casino)
10.	Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh casino)
11.	Chuyển đổi Giấy phép thu, chi ngoại tệ và các hoạt động ngoại hối khác (đối với doanh nghiệp kinh doanh casino)
12.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với

	doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
13.	Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh
14.	Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh
15.	Thủ tục đăng ký tài khoản truy cập Trang điện tử của doanh nghiệp thực hiện vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh
16.	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin tài khoản truy cập Trang điện tử của doanh nghiệp thực hiện vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh
3. Cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng	
17.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện
18.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện
19.	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm
20.	Báo cáo về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, NH 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại
21.	Báo cáo về việc tự nguyện chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại.
22.	Báo cáo về việc khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng thương mại
23.	Báo cáo về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của ngân hàng thương mại
24.	Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán được lựa chọn để thực hiện kiểm toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
25.	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông thường; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
26.	Thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông lớn; mua bán,

	chuyển nhượng cổ phần dẫn đến việc trở thành cổ đông lớn của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
27.	Thủ tục chấp thuận tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
28.	Thủ tục thông báo khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài của ngân hàng hợp tác xã
29.	Thủ tục thông báo thay đổi tên chi nhánh/phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã
30.	Thủ tục thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài của ngân hàng hợp tác xã
31.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã
32.	Thủ tục khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã.
33.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của ngân hàng hợp tác xã
34.	Thủ tục thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở) của ngân hàng hợp tác xã
35.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã
36.	Thủ tục thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã
37.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã
38.	Thủ tục thay đổi địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân do chia, tách địa giới hành chính kể từ ngày 01/6/2015
4. Lĩnh vực hoạt động thanh toán	
39.	Thủ tục mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước

STT	Tên TTHC
III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA NHNN CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ	
1. Lĩnh vực hoạt động ngoại hối	
1.	Thủ tục chấp thuận hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt của các ngân hàng được phép
2.	Thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế
3.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế
4.	Thủ tục chấp thuận gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế
5.	Thủ tục cấp giấy phép mang tiền của nước có chung biên giới và đồng Việt Nam bằng tiền mặt ra nước ngoài
6.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ
7.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi đại lý đổi ngoại tệ
8.	Thủ tục cho phép mang tiền của nước có chung biên giới vào các tỉnh nội địa
9.	Thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế
10.	Thủ tục chấp thuận thay đổi, bổ sung trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế
11.	Thủ tục chấp thuận gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế
12.	Thủ tục đăng ký tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng thực hiện đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.
13.	Thủ tục đăng ký thay đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, tiến độ chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng thực hiện đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.
14.	Thủ tục cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ở ngân hàng tại Lào

15.	Thủ tục xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đối với nhà đầu tư không phải là Tổ chức tín dụng
16.	Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
17.	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
18.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ
19.	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài
20.	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm đối với doanh nghiệp có hợp đồng gia công vàng trang sức, mỹ nghệ với nước ngoài
21.	Thủ tục cấp Giấy phép mang vàng khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài
2. Cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng	
22.	Thủ tục chấp thuận nhân sự dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc của Ngân hàng thương mại cổ phần
23.	Thủ tục chuẩn y danh sách ứng cử viên làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát ngân hàng thương mại cổ phần
24.	Thủ tục chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần
25.	Thủ tục chấp thuận việc mua lại cổ phần làm giảm vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần
26.	Thủ tục chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần
27.	Thủ tục chấp thuận thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần
28.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần
29.	Thủ tục Chấp thuận đủ điều kiện khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước của ngân hàng thương mại

30.	Thủ tục Chấp thuận thay đổi tên chi nhánh trong nước của ngân hàng thương mại
31.	Thủ tục báo cáo về việc đổi tên phòng giao dịch của Ngân hàng thương mại
32.	Thủ tục Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch của ngân hàng thương mại
33.	Thủ tục Chấp thuận thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của ngân hàng thương mại
34.	Thủ tục Chấp thuận cho ngân hàng thương mại tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch
35.	Thủ tục chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
36.	Thủ tục Thông báo điều kiện khai trương hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
37.	Thủ tục chấp thuận sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép đối với Ngân hàng thương mại cổ phần (không bao gồm Ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ).
38.	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh của công ty kiểu hối trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần
39.	Thủ tục thông báo danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng
40.	Thủ tục đăng ký mở Phòng giao dịch của tổ chức tín dụng phi ngân hàng
41.	Thủ tục thông báo điều kiện khai trương hoạt động của ngân hàng hợp tác xã
42.	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập quỹ tín dụng nhân dân
43.	Khai trương hoạt động quỹ tín dụng nhân dân
44.	Thủ tục chấp thuận thay đổi tên của quỹ tín dụng nhân dân
45.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân

46.	Thủ tục chấp thuận thay đổi địa chỉ (không thay đổi địa điểm) đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân
47.	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung, phạm vi hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân
48.	Thủ tục chấp thuận thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân
49.	Thủ tục đề nghị thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân
50.	Thủ tục đề nghị tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng của quỹ tín dụng nhân dân
51.	Thủ tục chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân
52.	Thủ tục thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới trụ sở chính của tổ chức tín dụng là hợp tác xã
53.	Thủ tục chấp thuận thành lập phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân
54.	Thủ tục khai trương hoạt động phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân
55.	Thủ tục thay đổi tên phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân
56.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân
57.	Thủ tục thay đổi địa chỉ đặt trụ sở phòng giao dịch do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm) của quỹ tín dụng nhân dân
58.	Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân
59.	Thủ tục chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân
60.	Thủ tục đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân
61.	Thủ tục sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt
62.	Thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân
63.	Thủ tục gia hạn thời hạn thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân

64.	Thay đổi các thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
65.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký mới
66.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang hoạt động trước khi Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành
67.	Thủ tục thông báo khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô
68.	Thủ tục thông báo ngày dự kiến bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô
69.	Thủ tục thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ
70.	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ cùng địa bàn tỉnh, thành phố
71.	Thủ tục mở chi nhánh của tổ chức tài chính quy mô nhỏ
72.	Thủ tục mở, thay đổi tên và/hoặc địa điểm, chấm dứt hoạt động phòng giao dịch của tổ chức tài chính quy mô nhỏ cùng địa bàn tỉnh, thành phố
3. Lĩnh vực hoạt động tín dụng	
73.	Thủ tục đề nghị khoan nợ đối với tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng
74.	Thủ tục đề nghị khoan nợ đối với tổ chức đầu mối thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng
4. Lĩnh vực hoạt động thanh toán	
75.	Thủ tục tham gia thanh toán bù trừ điện tử liên ngân hàng
5. Hoạt động khác	
76.	Thủ tục đăng ký danh hiệu thi đua đối với các tổ chức tài chính vi mô